|  |  |
| --- | --- |
| 1. QUỐC HỘI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Nghị quyết số: .../2020/QH14 | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

**QUỐC HỘI**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/20 14/QH13 và Luật số sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Chính quyền địa phương ở Thành phố Hồ Chí Minh là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Chính quyền địa phương ở quận tại Thành phố Hồ Chí Minh là Ủy ban nhân dân quận.

Ủy ban nhân dân quận là cơ quan hành chính nhà nước ở quận, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chính quyền địa phương ở phường tại Thành phố Hồ Chí Minh là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước ở phường, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định.

4. Việc tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính khác của Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

**Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân Thành phố   
Hồ Chí Minh**

Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của chính quyền địa phương cấp dưới; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

2. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của Thành phố, trong đó bao gồm kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của quận và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của phường thuộc quận.

3. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quận, phường thuộc quận.

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ở quận, phường thuộc quận; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, phường thuộc quận, Tòa án nhân dân quận, Viện kiểm sát nhân dân quận.

5. Lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức. Trường hợp có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Hội đồng nhân dân Thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được thực hiện theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và nghị quyết của Quốc hội.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chánh án Tòa án nhân dân quận, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận. Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét việc trả lời chất vấn của người bị chất vấn.

7. Bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố; miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

**Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các quận, phường trực thuộc, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách địa phương, bao gồm ngân sách quận, phường.

b) Căn cứ vào quy định của Chính phủ và tình hình thực tiễn của công tác quản lý đô thị, quyết định thành lập hoặc không thành lập và kiện toàn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

c) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các quận trực thuộc.

d) Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân quận; quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố theo Luật Đầu tư công và quy định hiện hành về phân cấp, ủy quyền quản lý.

đ) Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân quận.

e) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân quận.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

b) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

**Điều 4. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân quận**

1. Ủy ban nhân dân quận là cơ quan hành chính nhà nước ở quận, làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm các cơ chuyên môn theo quy định của Chính phủ.
3. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và các công chức khác. Ủy ban nhân dân quận có không quá ba Phó Chủ tịch.

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân quận.

b) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận.

**Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận**

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách quận, phường trực thuộc, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý.

3. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

4. Phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường trực thuộc.

5. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận phù hợp với hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các văn bản khác có liên quan.

6. Chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ quận đến cơ sở, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính; thực hiện công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ, công chức trong hệ thống hành chính nhà nước ở địa phương.

7. Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

8. Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý dân cư và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

10. Quyết định phân cấp, ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

11. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật. Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

**Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; tuyển dụng, quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

**Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**

Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương (bao gồm dự toán ngân sách chính quyền địa phương cấp dưới) và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của chính quyền địa phương cấp dưới; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

2. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó bao gồm kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của phường trực thuộc.

3. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phường trực thuộc.

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình ở phường; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

**Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung theo quy định của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các phường trực thuộc, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách.

b) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các phường trực thuộc.

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách phường trực thuộc, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý.

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

b) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

**Điều 9. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường**

1. Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước ở phường, làm việc theo chế độ thủ trưởng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác. Ủy ban nhân dân phường có không quá hai Phó Chủ tịch.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định đối với công chức từ cấp huyện trở lên.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức theo quy định của Chính phủ và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân phường.

5. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

**Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường**

1. Ủy ban nhân dân phường có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý.

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa bàn phường và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật, trừ quy định tại khoản 2 Điều 36 và Điều 63 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường**

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường được thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Ban hành các quy định cần thiết để triển khai thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ; thực hiện phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

c) Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức làm việc ở quận, phường theo quy định của pháp luật; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư khi thực hiện Nghị quyết này và quy định, hướng dẫn của Chính phủ.

d) Nghiên cứu, đề xuất và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền các chính sách bổ sung khi thực hiện Nghị quyết này.

2. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị quyết này.

b) Quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận.

c) Quy định cụ thể việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại các đơn vị hành chính thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh và các đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2016 - 2021 kết thúc nhiệm vụ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp chưa bổ nhiệm được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2016 - 2021 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này cho đến khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường mới được bổ nhiệm.

Văn bản của chính quyền địa phương ở quận, phường được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền thay thế hoặc bãi bỏ thì vẫn được áp dụng.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và công chức cấp xã làm việc tại phường trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 được chuyển thành công chức theo quy định của Chính phủ.

**Điều 14. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Việc tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2021.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội được ban hành trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

*Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ …… thông qua ngày …. tháng …. năm 2020./.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**